

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty cung cấp vật tư y tế, hóa chất trên toàn quốc.

Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng giá kế hoạch gói thầu hóa chất miễn dịch thuộc dự toán mua sắm VTYT-HC năm 2025-2026 phục vụ công tác chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Phạm Văn Trúc - Phòng VT-TBYT

Số điện thoại: 02033 862 245

Email: bvdkcampha@gmail.com

Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại:* Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả, Địa chỉ: 371 đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

- *Nhận qua email:* bvdkcampha@gmail.com

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 19 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 8 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, hóa chất: (Phụ lục kèm theo)
- Yêu cầu công ty chào đầy đủ thông tin theo mẫu báo giá đính kèm

Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả rất mong nhận được phản hồi thông tin từ các đơn vị cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Vũ Quang Trung

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả, chúng tôi.../ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các danh mục hàng hóa y tế như sau:

1. Báo giá cho các danh mục hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hóa A												
2	Hàng hóa B												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày . tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (12).

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "'Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế.

Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM PHẢ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo giá số: 79/TB-BVĐKCP ngày 19/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả)



STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Yêu cầu kỹ thuật tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch			
1	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 và kháng thể kháng HIV-1.	Test/ Mẫu / Lượt	3.900
2	Thuốc thử xét nghiệm HBeAg	- Thuốc thử xét nghiệm HBeAg.	Test/ Mẫu / Lượt	300
3	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBcAg IgM	- Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBcAg IgM.	Test/ Mẫu / Lượt	900
4	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HBcAg	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HBcAg.	Test/ Mẫu / Lượt	900
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBsAg	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBsAg.	Test/ Mẫu / Lượt	3.000
6	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs	- Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs.	Test/ Mẫu / Lượt	900
7	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên lõi của HCV và kháng thể kháng HCV	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên lõi của HCV và kháng thể kháng HCV.	Test/ Mẫu / Lượt	3.000
8	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	-Xét nghiệm định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	1.500
9	Định lượng CA 15-3(Cancer Antigen 15-3) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
10	Định lượng CA 125(Cancer Antigen 125) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng CA 125 (Cancer Antigen 125) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
11	Định lượng HE4 (human epydidymal protein 4) [Máu]	- Xét nghiệm dinh lugng HE4 (human epydidymal protein 4) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
12	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
13	Định lượng CEA(Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	600
14	Định lượng CYFRA 21-1 [máu]	- Xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1 trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
15	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) trong máu	Test/ Mẫu / Lượt	300
16	Định lượng ProGRP[máu]	- Xét nghiệm định lượng ProGRP trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
17	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng PSA toàn phần (Total prostate'-Specific Antigen) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
18	Định lượng Troponin T hs [máu] hoặc Định lượng Troponin I [máu]	- Xét nghiệm định lượng Định lượng Troponin T hs trong máu hoặc Định lượng Troponin I trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	3.000
19	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	2.000
20	Định lượng nội tiết tố anti-Müllerian (AMH)[máu]	- Xét nghiệm định lượng nội tiết tố AMH trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
21	Định lượng estradiol [máu]	- Xét nghiệm định lượng Estradiol trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
22	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng LH (Luteinizing Hormone) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
23	Định lượng cortisol [máu]	- Xét nghiệm định lượng Cortisol trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	600
24	Định lượng ACTH [máu]	- Xét nghiệm định lượng ACTH trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300

STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Yêu cầu kỹ thuật tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
25	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng Anti-Tg (Antibody'-Thyroglobulin) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	600
26	Định lượng FT3 (triiodothyronine tự do) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng T3 (Tri iodothyronine) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	3.600
27	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng FT4 (Free Thyroxine) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	3.600
28	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	3.600
29	Định lượng Anti - TPO (Anti - thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	2.400
30	Xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TRAb (Thyroid Receptor Antibody) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TRAb (Thyroid Receptor Antibody) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	2.400
31	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng Tg (Thyroglobulin) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	600
32	Định lượng calcitonin (thyrocalcitonin) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng calcitonin (thyrocalcitonin) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
33	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng PTH (Parathyroid Hormon) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
34	Định lượng PCT (Pro-calcitonin). [Máu]	- Xét nghiệm định lượng Pro-calcitonin trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	1.500
35	Định lượng proBNP (NT- proBNP) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng proBNP (NT-proBNP) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	2.000
36	Định lượng CA 72-4 [Máu]	- Xét nghiệm định lượng CA 72-4 trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
37	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV.	Test/ Mẫu / Lượt	600
38	Định lượng IgE	- Xét nghiệm định lượng IgE trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	600
39	Thuốc thử xét nghiệm định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum	- Thuốc thử xét nghiệm định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum.	Test/ Mẫu / Lượt	300
40	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV	- Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV.	Test/ Mẫu / Lượt	300
41	Định lượng Insulin [Máu]	- Xét nghiệm định lượng Insulin trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
42	Định lượng hGH [Máu]	- Xét nghiệm định lượng hGH trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	300
43	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	200
44	Định lượng progesterone [Máu]	- Xét nghiệm định lượng progesterone trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	200
45	Định lượng SCC (squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	- Xét nghiệm định lượng SCC trong máu.	Test/ Mẫu / Lượt	100